

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 30-5-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hòa

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thanh Thái

Ông Đặng Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lại - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Mai Chăm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 03/2024/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”. Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 64/2023/HNGD-ST ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐPT-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tuyết N, sinh năm 2004.

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Anh Thái Thanh T, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Người kháng cáo: Ông Thái Thanh T, sinh năm 1998 - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết N trình bày: Sau thời gian tìm hiểu yêu thương nhau, chị và anh Thái Thanh T sống chung với nhau đến ngày 03/8/2022 mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh

Bình Thuận. Sau khi đăng ký kết hôn hai vợ chồng sống tại thôn Thái An, xã Hồng Thái, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có chung với nhau 01 con chung tên Thái Thanh T1, sinh ngày 12/12/2021. Đến tháng 3/2023 hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không hiểu nhau về tình cảm hay bất đồng quan điểm dù chị N đã nhiều lần khuyên anh T quay lại sống chung nhưng anh T không mong muốn quay lại nên cuộc sống vợ chồng không đầm ấm với nhau, không bao giờ có cùng một tiếng nói chung nên chị N với anh T không còn tình cảm gì với nhau. Từ đó chị N nhận thấy không thể có cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, không thể tiếp tục sống chung với anh T được nữa.

Nay xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, chị Lê Thị Tuyết N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Thái Thanh T.

- Về con chung: Yêu cầu nuôi dưỡng 01 con chung tên Thái Thanh T1, sinh ngày 12/12/2021. Chị Lê Thị Tuyết N không yêu cầu anh Thái Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Thái Thanh T trình bày:

Anh T với chị N có kết hôn vào ngày 03/8/2022 tại UBND thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Anh T và chị N có thời gian quen biết, tìm hiểu nhau, yêu thương và tự nguyện đến với nhau. Sau khi đăng ký kết hôn hai vợ chồng sống tại thôn Thái An, xã Hồng Thái, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc, sau một thời gian chung sống với nhau hai vợ chồng cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn như chị N trình bày anh Thái Thanh T thống nhất và đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Tuyết N, vì hiện nay anh T không còn tình cảm gì và cũng không mong muốn hàn gắn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung như lời trình bày của chị N, hiện nay cháu Thái Thanh T1, sinh ngày 12/12/2021 đang ở với anh T tại thôn Thái An, xã Hồng Thái, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thái Thanh T1, vì cháu Thái Thanh T1 từ nhỏ đến lớn đang ở với anh T. Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, anh đang làm thuê và phụ giúp gia đình thu nhập gia đình là hơn 150.000.000 đồng/vụ ở xã Hồng Thái, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận thu nhập hàng ngày tiền làm thuê thêm là 300.000 đồng/ngày.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 64/2023/HNGD-ST ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Tuyết N. Chị Lê Thị Tuyết N được ly hôn với anh Thái Thanh T.

2. Về con chung:

- Về nuôi con: Buộc anh Thái Thanh T phải giao con chung tên Thái Thanh T1, sinh ngày 12/12/2021 cho chị Lê Thị Tuyết N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con: Không.

Không ai được cản trở quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn của anh Thái Thanh T.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002923 ngày 10/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình, chị Lê Thị Tuyết N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm nên không phải nộp nữa.

Anh Thái Thanh T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo.

Ngày 08/01/2024, anh Thái Thanh T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm số 64/2023/HNGD-ST ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình theo hướng giao con chung là Thái Thanh T1, sinh ngày 12/12/2021 cho anh T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và anh T không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn anh Thái Thanh T giữ nguyên kháng cáo.

- Nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết N vắng mặt tại phiên tòa.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo

quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của anh Thái Thanh T sửa án sơ thẩm theo hướng giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn anh Thái Thanh T làm trong thời hạn luật định nộp tạm ứng án phí đúng thời gian quy định. Nội dung kháng cáo nằm trong phạm vi bản án sơ thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Bản án HNGĐ sơ thẩm số 64/2023/HNGĐ-ST ngày 10/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình đã xác định đúng quan hệ pháp luật. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của chị Lê Thị Tuyết N là nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Tuyết N và anh Thái Thanh T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/8/2022 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát mâu thuẫn do không hợp, bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2023 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết anh T cũng đồng ý theo yêu cầu ly hôn của chị N do tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Tuyết N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Những nội dung về hôn nhân, về tài sản chung, về nợ chung các đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 282 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của anh Thái Thanh T:

[3.1] Về con chung: Chị N và anh T đều xác định có 01 con chung là cháu Thái Thanh T1, sinh ngày 12/12/2021, hiện đang sống chung với gia đình anh T. Khi ly hôn, cả chị N và anh T đều yêu cầu được con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Bản án sơ thẩm đã giao cho cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa phúc thẩm anh T đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vì cháu Tùng đang ở với gia đình anh và chị N không có công việc làm ổn định đi làm phụ quán nhậu về khuya nên không có điều kiện chăm con, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.2] Về điều kiện nuôi con chung của chị N và anh T là ngang nhau, đều có nơi ở ổn định và thu nhập hợp pháp. Mặt khác, cháu Thái Thanh T1, sinh ngày 12/12/2021, hiện nay chưa tròn 03 tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ nên cấp sơ thẩm giao con cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm anh Thái Thanh T cho rằng chị N không có công việc ổn định, đi làm phụ quán nhậu nên thường về khuya nên không có thời gian chăm sóc cháu Tùng. Ngoài ra, căn cứ vào biên bản xác minh ngày 28/5/2024 của Khu phố Trường khu phố Phú Tân, thị trấn Phan Rí Cửa nơi chị N sinh sống đã xác định “*Hiện nay bà Lê Thị Tuyết N đã có gia đình riêng và có 01 con chung khoảng 02 tháng tuổi*”. Như vậy, hiện nay chị N còn phải chăm sóc 01 người con khoảng 02 tháng tuổi nên thời gian chăm sóc cháu Tùng sẽ bị hạn chế rất nhiều. Mặt khác, xét thấy hiện nay cháu Thái Thanh T1 đang sống với anh T và ông bà nội, cháu có cuộc sống ổn định, được chăm sóc tốt, hơn nữa hiện nay cháu còn nhỏ, nếu thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng tâm lý của cháu và anh T cũng có thu nhập ổn định nên không ảnh hưởng đến điều kiện chăm sóc con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện chăm sóc, môi trường sống và sự phát triển bình thường của cháu Tùng, nên giao con chung là cháu Thái Thanh T1 cho anh T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn và đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt cho con chung theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Thái Thanh T về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sửa bản án sơ thẩm.

Nếu sau này chị N chứng minh được anh T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của anh Thái Thanh T được chấp nhận nên không phải chịu án phí thúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, về tài sản chung, nợ chung phải thu, phải trả; về án phí hôn nhân sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Thái Thanh T. Sửa bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 64/2023/HNGĐ-ST ngày 10/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Luật Thi hành án dân sự.

3. Tuyên xử:

3.1 Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Tuyết N. Chị Lê Thị Tuyết N được ly hôn với anh Thái Thanh T.

3.2 Về con chung: Có 01 con chung là cháu Thái Thanh T1, sinh ngày 12/12/2021. Khi ly hôn, giao con chung cho anh Thái Thanh T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.3 Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

4.1 Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002923 ngày 10/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình, chị Lê Thị Tuyết N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm nên không phải nộp nữa.

4.2 Về án phí phúc thẩm: Anh Thái Thanh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0008587 ngày 12/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình cho anh T.

5. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 30/5/2024)/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND, VKSND, THA huyện Bắc Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Thị Thanh Hòa